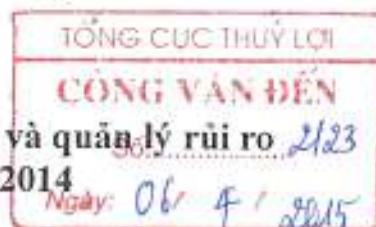


Số: 949/BC-SNN

Tây Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2015



BÁO CÁO



Kết quả thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014

Thực hiện Công văn số 186/TCTL-GNTT ngày 09/02/2015 của Tổng cục Thủy lợi về việc báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014,

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014 (Đề án), cụ thể như sau:

1. Kế hoạch thực hiện

Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng của tỉnh Tây Ninh được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 31/5/2010; cử công chức tham gia tập huấn lớp giảng viên cấp tỉnh do Trung tâm Phòng, tránh và Giảm nhẹ thiên tai tổ chức; ban hành Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 phê duyệt danh sách giảng viên cấp tỉnh thực hiện Đề án và phê duyệt điều chỉnh danh sách giảng viên cấp tỉnh thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 03/6/2012.

Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh ban hành các văn bản: Quyết định số 79/BCH-VPTT ngày 30/7/2013 về việc thành lập Tổ chuyên viên thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; Kế hoạch số 127/KH-BCH ngày 07/11/2013 tập huấn Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng năm 2013; Kế hoạch số 53/KH-BCH ngày 07/5/2014 tập huấn Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng năm 2014.

2. Kết quả thực hiện giai đoạn 2009-2014

Kết quả thực hiện giai đoạn 2009-2014, Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn (PCLB và TKCN) tỉnh Tây Ninh tổ chức triển khai thực hiện đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” với 24 lớp tập huấn cho các đối tượng là thành viên Ban Chỉ huy PCLB và TKCN cấp huyện, xã (năm 2013: 09 lớp; 2014: 15 lớp). Xây dựng, in ấn các tài liệu liên quan đến lĩnh vực phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn;

mua sắm trang thiết bị phục vụ tập huấn (máy vi tính xách tay, máy, màn chiếu), với tổng kinh phí 693.530.000 đồng (năm 2013: 193.530.000 đồng; năm 2014: 322.443.000 đồng). Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang trình UBND tỉnh chủ trương xây dựng bản đồ cảnh báo thiên tai vùng ngập úng ven sông Vàm Cỏ tỉnh Tây Ninh. Riêng các chỉ số liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh chưa thực hiện, do đến nay Bộ Giáo dục và Đào tạo mới tổ chức tập huấn cho giáo viên trên địa bàn tỉnh.

Kết quả theo dõi, đánh giá 05 năm thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng được tổng hợp báo cáo tại phụ lục kèm theo.

3. Đánh giá kết quả thực hiện

Giai đoạn 2009-2014, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tập trung triển khai tập huấn chủ yếu thành viên Ban Chỉ huy PCLB và TKCN cấp huyện, xã; công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về phòng, tránh ứng phó thiên tai lồng ghép trong các cuộc họp tổ dân phố, hoặc trên loa, đài truyền thanh của xã, phường, thị trấn.

4. Kiến nghị

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Tổng cục Thủy lợi xem xét tổng hợp trình cấp có thẩm quyền hỗ trợ tỉnh Tây Ninh kinh phí thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 333/QĐ-TTg ngày 18/02/2013 về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn 2013-2015; Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 31/5/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng của tỉnh Tây Ninh.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Tổng cục Thủy lợi./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy lợi;
- Trung tâm PTGNTT;
- PCT Huỳnh Văn Quang - Trưởng ban;
- GD, PGD Sở phụ trách;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, CCTL.

KTGIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Yên

Phụ lục

BẢO CÁO KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẤP TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 949 /BC-SNN ngày 31 /3/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 1B	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp tỉnh ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng (liệt kê các quyết định, văn bản)	5		
Chỉ số 1C	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp huyện ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng (liệt kê các quyết định, văn bản)	Chưa có		
Chỉ số 2A	Số lượng tình đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có	Đã có		
Chỉ số 2B	Số lượng tình đã có báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có	Đã có		
Chỉ số 3	Ti lệ các tỉnh, huyện, xã có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có	Chưa có		<i>Cơ cấu tổ chức thực hiện Đề án được xác định theo tài liệu Hướng dẫn tổ chức thực hiện nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng được Bộ Nông nghiệp và PTNT (Tổng cục Thủy lợi) phê duyệt tại Quyết định số 666/QĐ-TCTL-ĐD</i>

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					ngày 22/8/2011.
	Tỷ lệ huyện có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tỷ lệ %	Chưa có		
	Tỷ lệ xã của tỉnh có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tỷ lệ %	Chưa có		
	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp tỉnh (4A)	Số lượng	1		
	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp huyện (4B)	Số lượng	không		
Chỉ số 4	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở các cấp				
	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp xã (4C)	Số lượng	không		
	Số lượng cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD (5A1)	Số lượng	Nam: 8	0,17	
			Nữ: 2		
Chỉ số 5A = 5A1/5A2*100%	Tỷ lệ cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng	Nam: 52		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	tại (5A2)		Nữ: 8	Huyện A: Huyện B: 	
Chỉ số 5B	Tỷ lệ cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	xem phụ lục I	Huyện A: Huyện B: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B: 	Tỉnh đã tổ chức tập huấn cho ban chỉ huy PCLB và TKCN: cấp huyện; 95 xã, phường, thị trấn. Chỉ tiết tỷ lệ cán bộ tham gia tập huấn xem phụ lục I (gửi kèm theo)
Chỉ số 5C	Tỷ lệ cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	xem phụ lục I	Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B: 	
Chỉ số 6A= 6A1/6A2*100%	Tỷ lệ tập huấn viên cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng Số lượng	Nam: 14 Nữ: 2 Nam: 14 Nữ: 2	100	< Đối ngũ cán bộ giảng viên cấp tỉnh sau khi được đào tạo tình chọn lọc một số giảng viên cấp tỉnh tham gia tập huấn thực hiện đề án. Số còn lại đang công tác tại cơ quan, đơn vị của họ >

Chỉ số		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chi số 6B		Tỷ lệ tập huấn viên cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ tập huấn viên cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	Không có		
Chi số 6C		Tỷ lệ tập huấn viên cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ tập huấn viên cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	Không có	Huyện A:	
						Xã A:	
						Xã B:	
							
Chi số 6D= 6D1/6D2*100%		Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD (6D1) Tổng số thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh (6D2)	Số lượng	Không có	Huyện B:	<Quyết định thành lập nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh, huyện, xã>
						Xã A:	
						Xã B:	
							
Chi số 6E		Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	Không có	Huyện A:	<Liệt kê các huyện đã tổ chức đào tạo về QLRRTT-DVCD cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật-số lượng cán bộ được đào tạo của từng huyện-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn kinh phí>
						Huyện B:	
							

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		
Chỉ số 6F	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	Không có	<Liệt kê các xã đã tổ chức đào tạo về QLRRTT-DVCD cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật, số lượng cán bộ được đào tạo của từng xã-năm thực hiện-kinh phí-dơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>		
Chỉ số 6G	Tỷ lệ thành viên nhóm cộng đồng của xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ thành viên nhóm cộng đồng của xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	Không có			
						Huyện A	Xã A:
						Xã B:	
Huyện B	Xã A:						
Xã B:							
.....							
Chỉ số 7A=7A1/7A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng hàng năm	Số lượng xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng hàng năm (7A1)	Số lượng	Không có	Tỉnh tổ chức tuyên truyền phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai các xã: Lạc Ninh, Bến Cầu, Long Thuận, Tiên Thuận, Phước Lưu, Phước Chi, Bình Thạnh, Mỹ Công, Tân Phong, Trà Vong, Thuận Tây, Tân Bình, Hòa Hiệp, Thuận Gò Dầu		
						Số lượng	
						Số lượng	

Chi số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					và Phòng Trách, Thành Long, Trí Bình; kinh phí từ ngân sách tỉnh. Triển khai Luật Phòng, chống thiên tai; các văn bản hướng dẫn Luật Phòng, chống thiên tai cho cán bộ làm công tác PCTT và TKCN cấp: huyện, cấp xã (03 lớp).
Chi số 8A	Tỷ lệ số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm	Tỷ lệ %	Không có	Huyện A Xã A: Xã B: Huyện B Xã A: Xã B: 	95 xã, phường, thị trấn lòng ghép tuyên truyền về PCTT cho người dân trong các buổi sinh hoạt khu phố, ấp hoặc trên loa, đài phát thanh của huyện, xã;
Chi số 9A= 9A1/9A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã triển khai diễn tập hàng năm	Số lượng	Không có		<Liệt kê xã đã triển khai diễn tập hàng năm-các loại hình diễn tập-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chi số 10A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Đã có/ Chưa có	Không có		Liệt kê danh mục các tài liệu đã sử dụng trong phần thông tin bổ sung của biểu mẫu báo cáo

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 10B= 10B1/10B2*100 %	Tỷ lệ huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Số lượng Số lượng	Chưa có 09 huyện, thành phố		<Liệt kê huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn-tên tài liệu đã được sử dụng>
Chỉ số 10C= 10C1/10C2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Số lượng Số lượng	Chưa thực hiện 95 xã, phường, thị trấn		<Liệt kê xã đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn-tên tài liệu đã được sử dụng>
Chỉ số 11A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Đã có/ Chưa có	Đã có		Kiến thức chung về thiên tai và rủi ro thiên tai; Quản lý rủi ro thiên tai; Giảm nhẹ rủi ro thiên tai; Đánh giá rủi ro thiên tai; Cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu.
Chỉ số 11B= 11B1/11B2*100 %	Tỷ lệ cấp huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng Số lượng	Chưa thực hiện 95 xã, phường, thị trấn		<Liệt kê huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương>

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 11C= $\frac{11C1}{11C2} \times 100$ %	Tỷ lệ cấp xã đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng	Chưa thực hiện		<Liệt kê xã đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương>
Chỉ số 12A= $\frac{12A1}{12A2} \times 100$ %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng	Số lượng	95 xã, phường, thị trấn		<Liệt kê xã đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 13A= $\frac{13A1}{13A2} \times 100$ %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương	Số lượng	95 xã, phường, thị trấn	100	<Liệt kê xã đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 14A= $\frac{14A1}{14A2} \times 100$ %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng	Chưa thực hiện		Đang trình UBND tỉnh Tây Ninh chờ trình xây dựng bản đồ cảnh báo thiên tai vùng ngập ứng ven sông Vàm Cỏ tỉnh Tây Ninh
Chỉ số 14B= $\frac{14AB1}{14B2} \times 100$ %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng	95 xã, phường, thị trấn		<Liệt kê xã đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức>

Chi số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chi số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (14B2)	Số lượng	95 xã, phường, thị trấn		chức-nguồn tài trợ>
Chi số 15A	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Liệt kê chi tiết	Laptop; máy chiếu, màn chiếu		Các trang thiết bị phục vụ công tác thực hiện Đề án được hiểu là các thiết bị phần cứng, phần mềm để thực hiện các hoạt động của Đề án như máy tính, máy in, máy ảnh, máy chiếu, phần mềm theo dõi, đánh giá; các công cụ đào tạo như bảng viết, tranh lật, v.v...
Chi số 15B	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê chi tiết	Không có		<Liệt kê huyện được trang bị công cụ phục vụ công tác thực hiện Đề án-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chi số 15C	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Liệt kê chi tiết	Không có		<Liệt kê xã được trang bị công cụ phục vụ công tác thực hiện Đề án-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chi số 16A1	Số lượng tình có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ	Tình có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ	Đã có/ Chưa có	Không có	<Tên đơn vị, cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai>

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 17A= $17A1/17A2*100$ %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai	Số lượng xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai (17A1)	Số lượng	Không có		<Liệt kê xã đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức nguồn tài trợ> Hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm thiên tai đến cộng đồng được hiểu là hệ thống hoặc phương thức hiệp đại/truyền thông đảm bảo thông tin đến cộng đồng người dân đáng thời gian, dễ hiểu và người dân biết cách phòng, chống thiên tai
	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (17A2)	Số lượng	95 xã, phường, thị trấn		
Chỉ số 18A	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tỷ lệ %	Chưa thống kê	Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B:	Các tin cảnh báo về thiên tai khi có thiên tai xảy ra được truy cập trên đài truyền hình Tây Ninh, đọc trên các lao phát thanh của xã, phường, thị trấn.
	Tỷ lệ xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng đồng	Số lượng xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng đồng (19A1)	Số lượng	Chưa có		<Liệt kê xã có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng đồng-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (19A2)	Số lượng	95 xã, phường, thị trấn		
Chỉ số 20A	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được	Tỷ lệ %		Huyện A: Xã A: Xã B:	<Liệt kê xã xây dựng các công trình quy mô nhỏ phục vụ phòng

Chi số		Thông tin cần báo cáo		Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)		(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
Chi số 22A	được xây dựng trên địa bàn xã	xây dựng trên địa bàn xã		Không có		 Huyện B Xã A: Xã B: 	chống và GNTT-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chi số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22A1)	Số lượng	Nam: Nữ:		Chưa thực hiện	
Chi số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn	Số lượng giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam: Nữ:		Chưa thực hiện	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	tính đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT			
		Tổng số giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh	Số lượng	Nam: Nữ:	
		Số lượng giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22D1)	Số lượng	Nam: Nữ:	
		Tổng số giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh (22D2)	Số lượng	Nam: Nữ:	
Chỉ số 22D= 22D1/22D2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22E1)	Số lượng	Nam: Nữ:	Chưa thực hiện
		Tổng số giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh (22E2)	Số lượng	Nam: Nữ:	
Chỉ số 22F= 22F1/22F2*100	Tỷ lệ giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được	Số lượng giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã	Số lượng	Nam: Nữ:	Chưa thực hiện

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
%	đào tạo, tập huấn về QLRRTT	được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22F1)		Nữ:		
		Tổng số giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (22F2)	Số lượng	Nam: Nữ:	Chưa thực hiện	
Chỉ số 22G= 22G1/22G2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22G1) Tổng số giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh (22G2)	Số lượng	Nam: Nữ:	Chưa thực hiện	
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng	Nam: Nữ:	Chưa thực hiện	
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng		Chưa thực hiện	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRIT-DVCD ở cấp xã	Số lượng		Chưa thực hiện	
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRIT	Tỷ lệ %	Chưa thực hiện	Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRIT	Tỷ lệ %	Chưa thực hiện	Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRIT	Tỷ lệ %	Chưa thực hiện	Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 22D= 22D1/22D2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRIT	Số lượng	Nam: Nữ:	Chưa thực hiện	
Chỉ số 22E=	Tỷ lệ giáo viên các trung tâm	Số lượng	Nam: Nữ:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung												
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)												
	QLRRT-DVCD ở cấp huyện																
	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRT-DVCD ở cấp xã	Số lượng	<table><tr><td>Huyện A</td><td>Xã A:</td></tr><tr><td></td><td>Xã B:</td></tr><tr><td></td><td>...</td></tr><tr><td>Huyện B</td><td>Xã A:</td></tr><tr><td></td><td>Xã B:</td></tr><tr><td></td><td>...</td></tr></table>	Huyện A	Xã A:		Xã B:		...	Huyện B	Xã A:		Xã B:		...	Chưa thực hiện	
Huyện A	Xã A:																
	Xã B:																
	...																
Huyện B	Xã A:																
	Xã B:																
	...																
Chỉ số 24A= 24A1/24A2*100 %	Tỷ lệ các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRT vào môn học chính khóa, ngoại khóa.	Số lượng		Chưa thực hiện													
		Số lượng															
Chỉ số 24B= 24B1/24B2*100 %	Tỷ lệ các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng		Chưa thực hiện													
		Số lượng															
Chỉ số 24C= 24C1/24C2*100 %	Tỷ lệ các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng		Chưa thực hiện													
		Số lượng															
	Tổng số các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh (24C2)	Số lượng															

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo		Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)		(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 24D= 24D1/24D2*100 %	Tỷ lệ các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24D1)		Số lượng		Chưa thực hiện	
		Tổng số các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh (24D2)		Số lượng			
Chỉ số 24E= 24E1/24E2*100 %	Tỷ lệ các trường trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24E1)		Số lượng		Chưa thực hiện	
		Tổng các trường trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (24E2)		Số lượng			
Chỉ số 24F= 24F1/24F2*100 %	Tỷ lệ các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24F1)		Số lượng		Chưa thực hiện	
		Tổng các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (24F2)		Số lượng			
Chỉ số 24G= 24G1/24G2*100 %	Tỷ lệ các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24G1)		Số lượng		Chưa thực hiện	
		Tổng các trường đại học trên địa bàn tỉnh (24G2)		Số lượng			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 25A	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng	Chưa thực hiện	
Chỉ số 25B	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng	Chưa thực hiện	
Chỉ số 25C	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng	Chưa thực hiện	
Chỉ số 25D	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng	Chưa thực hiện	

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo		Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)		(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 26A	Số lượng và tên các dự án về nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT-DVCD đã thực hiện trên địa bàn tỉnh	Số lượng và tên các dự án về nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT-DVCD đã thực hiện trên địa bàn tỉnh	Số lượng (Liệt kê danh sách các dự án)			Chưa thực hiện	
Chỉ số 27C= $\frac{27C1}{27C2} \times 100\%$	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Kinh phí từ nguồn vốn ngân sách đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (27C1)	Số lượng			Không có	<Kinh phí được cấp từ nguồn ngân sách tỉnh/thành phố cho hoạt động của Đề án>
		Tổng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách được cấp hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (27C2)	Số lượng				
Chỉ số 27D= $\frac{27D1}{27D2} \times 100\%$	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Kinh phí từ nguồn vốn ngân sách đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (27D1)	Số lượng			Không có	
		Tổng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách được cấp hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (27D2)	Số lượng				
Chỉ số 27E	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %		Không có	Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 27F	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm	Tỷ lệ %		Không có	Huyện A: Huyện B:	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)				
Chỉ số 27G	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ %	Không có	Huyện A:	
				Xã A:	
				Xã B:	
					
Chỉ số 28C= 28C1/28C2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của xã	Không có	Huyện B:	<Kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án từ nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế>
				Xã A:	
				Xã B:	
					
Chỉ số 28D= 28D1/28D2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ODA đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (28C1)	Không có	Tổng kinh phí từ nguồn vốn ODA hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (28D2)	
				Số lượng	
				Số lượng	
				Số lượng	
Chỉ số 28E	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA)	Tỷ lệ %		Huyện A:	
				Huyện B:	

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)		Không có		
Chỉ số 28F	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ %	Không có	Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 28G	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của xã	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của xã	Tỷ lệ %	Không có	Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B:	
Chỉ số 29C= 29C1/29C2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp đã được giải ngân của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (29C1) Tổng kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (29C2)	Số lượng	Không có		<Kinh phí thực hiện Đề án do người dân đóng góp>
Chỉ số 29D= 29D1/29D2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (29D1)	Số lượng	Không có		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp được cấp hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (29D2)	Số lượng			
Chỉ số 29E	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %	Không có	Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 29F	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ %	Không có	Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 29G	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ %	Không có	Huyện A: Xã A: Xã B: Xã A: Xã B: Huyện B: 	